ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 443 /KH-UBND	*Thanh Hóa, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 23/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW

Thực hiện Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 23/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (sau đây gọi là "Kế hoạch số 96") và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW (sau đây gọi là "Chương trình hành động số 31"); Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 23/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị (sau đây gọi là "Kế hoạch") với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Chương trình hành động số 31 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (sau đây gọi là "Nghị quyết số 208") và Kế hoạch số 96 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Xác định bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; gắn nhiệm vụ này với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

3. Bảo đảm thực hiện nguyên tắc "6 rõ, 1 xuyên suốt": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; trong đó, mỗi nhiệm vụ phải xác định cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nội dung công việc,

sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện; phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm có đầu mối theo dõi, đôn đốc xuyên suốt quá trình thực hiện. Việc xem xét, quyết định, phê duyệt các chương trình, đề án, dự án và các sản phẩm có liên quan phải tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện; không chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện.

4. Tổ chức triển khai nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả; sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc và cải thiện chất lượng môi trường sống; bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; nâng cao khả năng chống chịu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu; thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và kinh tế các-bon thấp.

- Phấn đấu hoàn thành 18 chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này. Mỗi chỉ tiêu được giao cho một cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo; UBND các xã, phường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền trên địa bàn.

Các chỉ tiêu trọng tâm gồm:

(1) Bố trí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm.

(2) 100% nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục.

(3) 100% cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

(4) 95% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý (khu vực nông thôn đạt 85%), tỷ lệ chôn lấp trực tiếp dưới 30% lượng chất thải được thu gom.

(5) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 54,5% trở lên.

(6) 80% hộ dân sinh sống tại nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, tỉnh Thanh Hóa có môi trường sống trong lành, an toàn, hài hòa với thiên nhiên; tài nguyên được quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; đa dạng sinh học và các hệ sinh thái quan trọng được bảo tồn, phục hồi; khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng cao. Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế các-bon thấp trở thành những phương thức phát triển quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch số 96 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 31 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 208 của Chính phủ và các chủ trương, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; lồng ghép các nội dung này vào chương trình công tác, hoạt động giáo dục, phổ biến pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đưa nội dung bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu vào hoạt động của cơ quan, đơn vị, trường học và cộng đồng dân cư; phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng trong công tác quán triệt, tuyên truyền theo Kế hoạch số 96.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan báo chí trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng xanh, sản xuất sạch, phân loại chất thải tại nguồn và xây dựng văn hóa môi trường. Phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả; tiếp thu, giải trình ý kiến giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực thực thi, kiểm tra, giám sát

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và đa dạng sinh học. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp xã; kịp thời phát hiện, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đầu tư; kiểm soát chặt chẽ các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ngay từ giai đoạn xem xét, chuẩn bị đầu tư.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền; đẩy mạnh giám sát trực tuyến, hậu kiểm trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý và công khai các hành vi vi phạm theo quy định. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Rà soát, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách; ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách về xử lý chất thải, quan trắc, cảnh báo môi trường, xây dựng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và xử lý các khu vực ô nhiễm; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách.

- Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành; ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công tư; huy động, sử dụng hiệu quả vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ, tài chính xanh và các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư hạ tầng môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và bố trí dân cư tại khu vực có nguy cơ thiên tai; nâng cao chất lượng chuẩn bị và quản lý dự án, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

4. Giải quyết các vấn đề bức xúc; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

- Tập trung kiểm soát, xử lý ô nhiễm tại Khu kinh tế Nghi Sơn; các khu công nghiệp, trong đó có Đình Hương, Tây Bắc Ga, Lễ Môn, Bỉm Sơn; các cụm công nghiệp, làng nghề chế biến hải sản, tái chế, giặt bao bì; khu khai thác, chế biến khoáng sản, đô thị, nông thôn, lưu vực sông và khu vực ven biển. Ưu tiên giải quyết các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, điểm tồn lưu hóa chất và bãi chôn lấp không bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp; tăng cường kiểm soát chất thải nhựa, chất thải nguy hại và chất thải phát sinh trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa vào vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường: Bỉm Sơn, Nam Sầm Sơn, Trường Lâm, Sao Vàng. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% lượng chất thải được thu gom.

- Rà soát, hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ; xây dựng lộ trình đầu tư, nâng cấp, mở rộng các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư; nâng cao năng lực quan trắc hiện trường, lấy mẫu, phân tích tại phòng thí nghiệm và khai thác dữ liệu để phục vụ giám sát, cảnh báo sớm, thanh tra, kiểm tra và công khai thông tin môi trường theo quy định. Tăng cường kiểm soát chất lượng nước mặt tại lưu vực sông Mã, sông Chu, sông Bưởi; kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý các nguồn xả thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến nguồn nước cấp sinh hoạt.

5. Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; nâng cao chất lượng rừng, tăng cường phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng tại các Vườn Quốc gia: Bến En, Xuân Liên, các khu bảo tồn thiên nhiên: Pù Luông, Pù Hu, vùng đất ngập nước, cửa sông, ven biển và khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao.

- Bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen; phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dịch vụ hệ sinh thái và kinh tế

dưới tán rừng; gắn phát triển du lịch với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ cảnh quan.

- Quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển; bảo đảm an ninh nguồn nước, phục hồi các khu vực bị suy thoái, ô nhiễm; gắn hoạt động cấp phép, khai thác tài nguyên với yêu cầu bảo vệ môi trường và sức chịu tải của môi trường.

- Rà soát, xây dựng và triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp điều tiết, sử dụng hiệu quả nguồn nước tại hồ, đập và phòng, chống xâm nhập mặn tại vùng hạ lưu các sông chính.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

- Căn cứ kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia để cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai, xây dựng và điều chỉnh các kế hoạch, phương án ứng phó phù hợp; ưu tiên khu vực miền núi có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, khu vực ven biển chịu tác động của bão, nước biển dâng, xâm nhập mặn và các đô thị có nguy cơ ngập lụt, trong đó có các phường: Hạc Thành, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn và các khu vực đô thị khác có nguy cơ ngập lụt.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp đê điều, hồ đập, công trình thủy lợi, tiêu thoát nước và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trong đó có hệ thống đê sông Mã, sông Chu và các tuyến đê biển trên địa bàn các xã, phường ven biển của tỉnh; bảo đảm an toàn công trình, an toàn hạ du và nâng cao khả năng chống chịu với thiên tai, biến đổi khí hậu; kết hợp giải pháp công trình với giải pháp phi công trình và giải pháp dựa vào tự nhiên.

- Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; củng cố lực lượng, vật tư, phương tiện ứng phó theo phương châm "4 tại chỗ"; rà soát, bố trí, sắp xếp dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao, gắn với bảo đảm nơi ở an toàn và sinh kế bền vững.

- Rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cập nhật, điều chỉnh Đề án sắp xếp, ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất thuộc các xã miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp; quản lý phát thải khí nhà kính

- Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, phát triển công nghiệp sinh thái, đô thị xanh, giao thông xanh, nông nghiệp xanh, kinh tế biển xanh và du lịch xanh; khuyến khích các mô hình du lịch bền vững, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm phát sinh chất thải, hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần và bảo vệ cảnh quan, môi trường tại các khu, điểm du lịch. Đồng thời, thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và tuần hoàn vật liệu trong sản xuất, tiêu dùng.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và triển khai kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải theo quy định. Nâng cao năng lực tham gia thị trường các-

bon; quản lý hoạt động phát triển dự án và chuyển giao tín chỉ các-bon theo thẩm quyền.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động và cộng đồng thích ứng với quá trình chuyển đổi xanh, bảo đảm chuyển đổi công bằng; phát triển kỹ năng xanh, việc làm xanh, khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh và ứng dụng công nghệ phát thải thấp; tổ chức đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động chịu tác động của quá trình chuyển đổi.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực

- Ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ trong quan trắc, dự báo, cảnh báo môi trường, khí tượng thủy văn và thiên tai; xử lý chất thải; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát triển công nghệ các-bon thấp, nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu và các giải pháp dựa vào tự nhiên.

- Xây dựng, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; ứng dụng viễn thám, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dự báo, cảnh báo và chỉ đạo, điều hành.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; nghiên cứu cơ chế phù hợp để thu hút chuyên gia, nhân lực chất lượng cao.

- Củng cố đội ngũ nhân lực, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ quan trắc môi trường; nâng cao năng lực vận hành hệ thống quan trắc, kiểm soát chất lượng số liệu, phân tích, đánh giá và khai thác dữ liệu để phục vụ giám sát, cảnh báo và tham mưu quản lý nhà nước về môi trường.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

- Mở rộng hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng danh mục dự án ưu tiên và hoàn thiện hồ sơ vận động vốn ODA, viện trợ, tài chính khí hậu, đầu tư xanh.

- Tăng cường phối hợp liên tỉnh, liên vùng trong quản lý lưu vực sông, chất lượng không khí, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và giải quyết các vấn đề môi trường có tính chất liên vùng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương; hoàn thành việc ban hành **trước ngày 15/12/2026**. Trong kế hoạch phải xác định rõ người phụ trách, công việc, sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện; gửi Sở Nông

nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao; trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc nguy cơ chậm tiến độ phải kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu; chủ trì các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 2 về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, tài nguyên, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nông nghiệp sinh thái và kinh tế biển xanh.

- Chủ trì biên soạn tài liệu, tập huấn tuyên truyền; rà soát, kiến nghị hoàn thiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã theo lĩnh vực quản lý; theo dõi, đôn đốc, phối hợp tháo gỡ khó khăn đối với các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cấp có thẩm quyền theo quy định; kịp thời đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm theo mục tiêu tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước và bố trí vốn đầu tư công theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách, quy định của pháp luật; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí.

- Chủ trì xây dựng danh mục dự án ưu tiên huy động nguồn lực xã hội, vốn ODA, tài chính khí hậu; rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thu hút đầu tư xanh theo thẩm quyền; theo dõi chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của tỉnh.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực xây dựng về thoát nước, xử lý nước thải đô thị, đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh, nhà ở an toàn tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và chống ngập úng đô thị; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và sắp xếp, bố trí dân cư.

5. Sở Công Thương

Chủ trì triển khai chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch, kế hoạch; theo dõi các chỉ tiêu về tỷ trọng năng lượng tái tạo và mức giảm tiêu hao năng lượng trên GRDP; hướng dẫn, kiểm tra việc thu gom, xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khu công nghiệp sinh thái, kiểm soát nguồn thải; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải, quan trắc tự động, liên tục tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp theo thẩm quyền.

7. Các sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Ngoại vụ

Thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và phân công tại Phụ lục 2, cụ thể:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ xanh.

- Sở Nội vụ chủ trì đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý nhà nước về môi trường, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển kỹ năng xanh, việc làm xanh.

- Sở Ngoại vụ chủ trì tham mưu các hoạt động hợp tác quốc tế, liên tỉnh, liên vùng thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

8. Thanh tra tỉnh

Chủ trì thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên tại các lĩnh vực, địa bàn, dự án, cơ sở có nguy cơ vi phạm hoặc gây ô nhiễm cao theo kế hoạch và thẩm quyền được giao.

9. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, khai thác khoáng sản, săn bắt, vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật; chia sẻ dữ liệu theo quy định.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch và cộng đồng dân cư thực hiện bảo vệ môi trường; giảm phát sinh chất thải nhựa, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, văn minh; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, lối sống xanh, tiêu dùng xanh vào hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; khuyến khích xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Chủ trì công tác tuyên truyền trực quan và nhiệm vụ phát triển du lịch xanh theo Phụ lục 2.

11. UBND các xã, phường

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai thuộc trách nhiệm, thẩm quyền trên địa bàn; chú trọng phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xử lý các khu vực ô nhiễm, nguồn thải phát sinh; bảo vệ rừng, nguồn nước; chủ động phòng, chống thiên tai và rà soát, sắp xếp, di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

12. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp hướng dẫn, định hướng công tác quán triệt, tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và nhân rộng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

13. Chế độ báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 15/12) về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/12 hằng năm; tham mưu tổ chức sơ kết vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền; đối với nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 96 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động số 31 của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo đúng mục đích và yêu cầu đặt ra tại Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

(NXH.193.04.MT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục 1

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm	Tối thiểu 2%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Sở Công Thương; UBND các xã, phường
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại các đô thị loại I thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường có đô thị
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý	95%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường
8	Tỷ lệ che phủ rừng	Từ 54,5% trở	Sở Nông nghiệp và	UBND các xã, phường có

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		lên	Môi trường	rừng
9	Tỷ lệ diện tích khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển của tỉnh	Theo quy hoạch được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường ven biển
10	Tỷ lệ hộ dân tại vùng thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
11	Tỷ lệ hộ dân sinh sống tại nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND các xã miền núi
12	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của tỉnh	10%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; các sở, ngành liên quan
13	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp của tỉnh	Theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao; cơ quan chủ trì tham mưu xác định mức cụ thể trước ngày 31/3/2027	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính
14	Mức giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP hằng năm	1% - 1,5%	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn tỉnh	Theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		giao; cơ quan chủ trì tham mưu xác định mức cụ thể **trước ngày 31/3/2027**		
16	Mức giảm phát thải khí nhà kính của tỉnh so với kịch bản phát triển thông thường	Theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao; cơ quan chủ trì tham mưu xác định mức cụ thể **trước ngày 31/3/2027**	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Tài chính
17	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	99,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; UBND các xã
18	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	75%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; Sở Tài chính; UBND các xã

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
I	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức**					
1	Biên soạn tài liệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường. - Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng nội dung.	01 cuốn tài liệu tuyên truyền	Giai đoạn 2027 - 2029	Ngân sách nhà nước
2	Tuyên truyền trực quan về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường. - Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng nội dung.	Băng rôn, tờ rơi, infographic, poster	Năm 2026 và hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
3	Tập huấn tuyên truyền về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo;	Tổ chức 03 cuộc tập huấn	Giai đoạn 2027 - 2029	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	biến đổi khí hậu		UBND các xã, phường. - Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng nội dung.			
4	Phát động phong trào toàn dân chung tay bảo vệ môi trường vì một Việt Nam "xanh - sạch - đẹp"; xây dựng, nhân rộng mô hình khu dân cư tự quản về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường; các tổ chức chính trị - xã hội	Các phong trào, mô hình được xây dựng, nhân rộng; báo cáo kết quả hằng năm	Giai đoạn 2026 - 2030; phát động trong năm 2026	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
II	**Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực thực thi**					
5	Rà soát, cập nhật các nội dung bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả rà soát; quy hoạch, kế hoạch được cập nhật, điều chỉnh	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
6	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong phân	Sở Nông nghiệp và Môi	Các sở: Nội vụ, Tư pháp, Xây dựng;	Báo cáo rà soát; kiến nghị	Báo cáo rà soát: Năm	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp	trường	UBND các xã, phường	xử lý theo thẩm quyền (văn bản phân cấp, ủy quyền, hướng dẫn được ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung)	2027; cập nhật hằng năm	
7	Xây dựng cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và hậu kiểm đối với cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao; kiểm soát dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Công an tỉnh; Thanh tra tỉnh; UBND các xã, phường	Quy chế phối hợp; danh sách cơ sở có nguy cơ ô nhiễm cao; cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro	Giai đoạn 2026 - 2027	Ngân sách nhà nước
8	Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng tài nguyên đối với các lĩnh vực, địa bàn, dự án, cơ sở có nguy cơ cao hoặc có dấu hiệu vi phạm	Thanh tra tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	Kế hoạch thanh tra hằng năm; biên bản, kết luận thanh tra	Hằng năm, theo kế hoạch thanh tra được phê duyệt	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
9	Tăng cường kiểm tra chuyên ngành, hậu kiểm việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên; nâng cao năng lực quan trắc hiện trường, lấy mẫu và phân tích phục vụ kiểm tra, xác minh, đánh giá	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thanh tra tỉnh; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	Kế hoạch kiểm tra hằng năm; biên bản, kết luận kiểm tra; báo cáo hậu kiểm	Hằng năm	Ngân sách nhà nước
III	**Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực**					
10	Bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; ưu tiên xử lý chất thải, quan trắc môi trường định kỳ, đầu tư, nâng cấp và bảo đảm kinh phí vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm quan trắc tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư; quản lý dữ liệu, cảnh báo môi trường, phát triển hạ tầng chống chịu khí hậu và khắc phục các điểm ô	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Phương án phân bổ dự toán hằng năm; báo cáo sử dụng kinh phí	Hằng năm, theo chu kỳ lập dự toán ngân sách	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	nhiễm					
11	Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành về ưu đãi, hỗ trợ tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ đối với đầu tư bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh; xác định bất cập, đề xuất sửa đổi, bổ sung theo lĩnh vực và thẩm quyền	Sở Tài chính	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng, Tư pháp; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Báo cáo rà soát, đánh giá cơ chế, chính sách; dự thảo cơ chế, chính sách ban hành theo thẩm quyền hoặc văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền	Rà soát: Năm 2027; đề xuất, ban hành: Giai đoạn 2027 - 2028	Ngân sách nhà nước
12	Xây dựng danh mục dự án ưu tiên huy động nguồn lực xã hội, ODA, vốn vay ưu đãi và tài chính khí hậu cho môi trường, khí hậu và phòng, chống thiên tai	Sở Tài chính	Các sở: Ngoại vụ, Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị có liên quan	Danh mục dự án ưu tiên; hồ sơ vận động đầu tư	Danh mục: Hoàn thành trong năm 2027; vận động: Giai đoạn 2027 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
13	Điều chỉnh dự án "Đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung trang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phương có liên quan	Dự án được điều chỉnh, phê duyệt; hệ thống quan trắc, cảnh báo và dữ liệu dùng chung	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	thiết bị phòng thí nghiệm" (để phù hợp Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 17/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 15/9/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU)					
IV	**Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; cải thiện chất lượng môi trường**					
14	Rà soát, xây dựng lộ trình và triển khai các dự án giải quyết những điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường; xử lý, phục hồi khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, điểm tồn lưu hóa chất,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường có điểm nóng	Danh mục điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm; lộ trình xử lý; các dự án xử lý	Lộ trình: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	bãi chôn lấp không bảo đảm yêu cầu					
15	Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phục vụ tái sử dụng, tái chế, xử lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường (đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp)	UBND các xã, phường (tổ chức thực hiện trên địa bàn) và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; kết quả phân loại, thu gom được báo cáo hằng năm	Thường xuyên; báo cáo hằng năm	Ngân sách nhà nước
16	Đầu tư phát triển hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Tài chính, Xây dựng; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	Danh mục dự án hạ tầng thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải, nước thải; các công trình được đầu tư	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
17	Theo dõi, đôn đốc, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tiến độ hoàn thành, đưa vào vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường: Bỉm Sơn, Nam	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Xây dựng, Công Thương, Tài chính; UBND các xã, phường; chủ đầu tư dự án (chịu trách nhiệm triển khai đầu tư, hoàn thành, vận hành dự án theo quy	Báo cáo tiến độ định kỳ; kiến nghị và kết quả xử lý khó khăn, vướng mắc	Giai đoạn 2026 - 2028	Vốn của chủ đầu tư và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	Sầm Sơn, Trường Lâm, Sao Vàng, góp phần giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt		định)			
18	Xây dựng, triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt và không khí đối với khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao; tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm, tham mưu xử lý dứt điểm các điểm xả thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước cấp sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, không khí được phê duyệt; báo cáo giám sát hằng năm	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
V	**Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên**					
19	Chương trình bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học và hệ sinh thái tại Bến En, Pù Luông, Xuân Liên, các vùng đất ngập nước, cửa sông và	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường có liên quan	Chương trình bảo tồn, phục hồi được phê duyệt; báo cáo kết quả hằng năm	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	ven biển					
20	Đề án nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; phát triển kinh tế dưới tán rừng và dịch vụ hệ sinh thái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường có rừng	Đề án được phê duyệt; diện tích, chất lượng rừng được duy trì, nâng cao (tỷ lệ che phủ rừng từ 54,5% trở lên)	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
21	Điều tra, bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen; phòng, chống khai thác, săn bắt, buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND các xã, phường	Cơ sở dữ liệu loài nguy cấp, quý, hiếm; phương án bảo tồn và kiểm soát	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
22	Lập và triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; quản lý khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; chủ động điều tiết hồ đập, chống xâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Đề án được phê duyệt; danh mục công trình, khu vực ưu tiên	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Đến năm 2030	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	nhập mặn vùng hạ lưu các sông chính					
23	Tăng cường điều tra, quản lý đất đai, khoáng sản và tài nguyên biển; phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Sở Công Thương; UBND các xã, phường	Cơ sở dữ liệu; phương án quản lý và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	Hằng năm	Ngân sách nhà nước
VI	**Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai**					
24	Rà soát, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu được cập nhật	Sau khi kịch bản cấp quốc gia được cập nhật; hoàn thành trong 06 tháng kể từ thời điểm đó	Ngân sách nhà nước
25	Rà soát, tổng hợp, tham mưu điều chỉnh Đề án sắp xếp, ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Xây dựng, Tài chính; UBND các xã miền núi có nguy cơ cao	Đề án được điều chỉnh (kèm danh sách xã, hộ dân, địa điểm bố trí dân cư); các dự án bố trí dân cư	Lập Đề án: Năm 2027; thực hiện: Đến năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
26	Triển khai phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại	Sở Nông nghiệp và Môi	UBND các xã miền núi (tổ chức thực hiện	Các chương trình, dự án	Thường xuyên; báo	Ngân sách nhà nước và

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	khu vực miền núi trên địa bàn tỉnh	trường (đầu mối hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp)	trên địa bàn); các sở, ngành liên quan	phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét; công trình được đầu tư; báo cáo tổng hợp hằng năm	cáo hăng năm	các nguồn lực hợp pháp khác
27	Đầu tư, nâng cấp, củng cố đê điều, hồ đập, công trình thủy lợi, chống sạt lở bờ sông, bờ biển (đê sông Mã, sông Chu, các tuyến đê biển trên địa bàn tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; UBND các xã, phường	Danh mục công trình đê điều, hồ đập, thủy lợi, chống sạt lở ưu tiên; các công trình được đầu tư, nâng cấp, bảo đảm an toàn	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
28	Đầu tư hệ thống tiêu thoát nước, chống ngập úng đô thị (trong đó có các phường: Hạc Thành, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn và các khu vực đô thị khác có nguy cơ ngập lụt)	Sở Xây dựng	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; UBND các phường	Danh mục công trình tiêu thoát nước, chống ngập úng đô thị ưu tiên; các công trình được đầu tư	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
29	Cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai; nâng cao năng	Sở Nông nghiệp và Môi	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;	Bản đồ rủi ro thiên tai được	Cập nhật bản đồ: Năm	Ngân sách nhà nước và

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm; củng cố lực lượng, vật tư, phương tiện theo phương châm "4 tại chỗ"	trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	cập nhật; phương án ứng phó; lực lượng, vật tư, phương tiện được củng cố	2027; thực hiện thường xuyên	các nguồn lực hợp pháp khác
VII	**Chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính**					
30	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch và điều kiện của tỉnh	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, các doanh nghiệp	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; danh mục dự án năng lượng tái tạo	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
31	Phát triển khu công nghiệp sinh thái, sản xuất sạch hơn, tái chế và tuần hoàn nguyên liệu, năng lượng tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Các sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường	Kế hoạch, mô hình khu công nghiệp sinh thái; báo cáo kết quả hằng năm	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
32	Phát triển đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh	Sở Xây dựng	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; UBND các xã, phường	Chương trình, tiêu chí và mô hình thí điểm đô thị xanh, giao thông	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
				xanh; số công trình xây dựng xanh được chứng nhận		
33	Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, phát thải thấp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Công Thương; UBND các xã, phường; hợp tác xã, doanh nghiệp	Kế hoạch phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp; mô hình được xây dựng, nhân rộng; báo cáo kết quả hằng năm	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
34	Phát triển du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường có khu, điểm du lịch; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch	Bộ tiêu chí, mô hình du lịch xanh; số khu, điểm du lịch đạt tiêu chí; báo cáo kết quả hằng năm	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
35	Phát triển kinh tế biển xanh: khai thác, nuôi trồng thủy sản bền vững; quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; bảo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và	Báo cáo đánh giá, mô hình phát triển kinh tế biển xanh; báo cáo kết quả	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	vệ môi trường biển		các khu công nghiệp; UBND các xã, phường ven biển	hằng năm		
36	Tổ chức kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải; đo đạc, báo cáo, thẩm định theo quy định; quản lý hoạt động phát triển dự án và chuyển giao tín chỉ các-bon	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở: Công Thương, Xây dựng, Tài chính; các cơ sở thuộc danh mục phải kiểm kê	Báo cáo kiểm kê khí nhà kính; kế hoạch giảm nhẹ phát thải; báo cáo kết quả giảm phát thải	Hằng năm, theo kỳ kiểm kê quy định	Ngân sách nhà nước
37	Hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển kỹ năng xanh, việc làm xanh; bảo đảm chuyển đổi công bằng	Sở Nội vụ	Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp	Kế hoạch đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển kỹ năng xanh; số lao động được đào tạo, chuyển đổi nghề; báo cáo kết quả hằng năm	Ban hành: Năm 2027; thực hiện: Giai đoạn 2027 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
VIII	**Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nguồn nhân lực**					
38	Chương trình nghiên cứu, chuyển giao và ứng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các viện,	Danh mục nhiệm vụ khoa	Ban hành: Năm 2027;	Ngân sách nhà nước và

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	dụng công nghệ xanh, công nghệ xử lý chất thải, công nghệ các-bon thấp và giải pháp dựa vào tự nhiên		trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp	học, công nghệ; mô hình ứng dụng	thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030	các nguồn lực hợp pháp khác
39	Xây dựng, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia; tích hợp, kiểm soát chất lượng, kết nối và khai thác dữ liệu quan trắc định kỳ, tự động, liên tục phục vụ theo dõi, cảnh báo và quản lý môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	Cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
40	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý và chuyên môn phục vụ quản lý nhà nước về môi trường; rà soát nhu cầu nhân lực, trang thiết bị và điều kiện kỹ thuật	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; các lớp bồi dưỡng; báo cáo rà soát nhu cầu nhân lực, trang thiết bị	Hằng năm	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực
	phục vụ công tác quản lý, quan trắc và giám sát môi trường					
IX	**Hợp tác và hội nhập quốc tế**					
41	Tăng cường hợp tác quốc tế, liên tỉnh và liên vùng về môi trường, khí hậu, lưu vực sông, đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai	Sở Ngoại vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan	Chương trình, biên bản và hoạt động hợp tác	Thường xuyên; báo cáo hằng năm	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
42	Vận động, tiếp nhận và triển khai các chương trình, dự án ODA, viện trợ không hoàn lại, tài chính khí hậu và đầu tư xanh	Sở Tài chính	Các sở: Ngoại vụ, Nông nghiệp và Môi trường	Các dự án, khoản hỗ trợ được huy động	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác